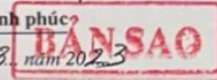


UBND PHƯỜNG/XÃ
HÒA AN
Số 01/GCN-HN.HCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
ngày 21 tháng 3 năm 2023



GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định chuẩn nghèo đa chiều trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường/xã chứng nhận:

Hộ gia đình ông/bà: Trần Nữ Khanh Vân Dân tộc: Kinh

CMTND (CCCD) số: 048172000315 Cấp ngày 25-3-2021

Nơi cấp: UBND Phường Hòa An

Hộ khẩu thường trú tại: Tổ 80

Địa chỉ tạm trú (nếu có) tại:

Thuộc danh sách hộ nghèo/hộ cận nghèo trên địa bàn trong giai đoạn 2022-2025; Mã quản lý hộ số 402 theo kết quả xác nhận dưới đây:

I. Danh sách thành viên trong gia đình

Stt	Họ và tên	Dân tộc	Quan hệ với chủ hộ	Năm sinh		Ghi chú (trường hợp gia đình có sự thay đổi các thành viên trong hộ)
				Nam	Nữ	
1	Trần Nữ Khanh Vân	Kinh	chủ hộ		1972	
2						
3	Đoàn chí Vỹ	H	con	2010		
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						

II. Kết quả phân loại hộ gia đình giai đoạn 2022 - 2025

NĂM 2022		Ngày tháng năm 20....												
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND phường/ xã (Ký tên, đóng dấu)												
☒ CN t.....		<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 10</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 3</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>	☐ 1	☐ 4	☐ 7	☐ 10	☐ 2	☐ 5	☐ 8	☐ 11	☐ 3	☐ 6	☐ 9	☐ 12
☐ 1		☐ 4	☐ 7	☐ 10										
☐ 2	☐ 5	☐ 8	☐ 11											
☐ 3	☐ 6	☐ 9	☐ 12											
NĂM 2023		Ngày 21 tháng 2 năm 2023												
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND phường/ xã (Ký tên, đóng dấu)												
☒ CN T.....		<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☒ 4</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 10</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 3</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>	☐ 1	☒ 4	☐ 7	☐ 10	☐ 2	☐ 5	☐ 8	☐ 11	☐ 3	☐ 6	☐ 9	☐ 12
☐ 1		☒ 4	☐ 7	☐ 10										
☐ 2	☐ 5	☐ 8	☐ 11											
☐ 3	☐ 6	☐ 9	☐ 12											
NĂM 2024		Ngày 02 tháng 01 năm 2024												
☒ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND phường/ xã (Ký tên, đóng dấu)												
☒ CN T.P..		<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☒ 4</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 10</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 3</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>	☐ 1	☒ 4	☐ 7	☐ 10	☐ 2	☐ 5	☐ 8	☐ 11	☐ 3	☐ 6	☐ 9	☐ 12
☐ 1		☒ 4	☐ 7	☐ 10										
☐ 2	☐ 5	☐ 8	☐ 11											
☐ 3	☐ 6	☐ 9	☐ 12											
NĂM 2025		Ngày tháng năm 20....												
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND phường/ xã (Ký tên, đóng dấu)												
☐ CN		<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 10</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 3</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>	☐ 1	☐ 4	☐ 7	☐ 10	☐ 2	☐ 5	☐ 8	☐ 11	☐ 3	☐ 6	☐ 9	☐ 12
☐ 1		☐ 4	☐ 7	☐ 10										
☐ 2	☐ 5	☐ 8	☐ 11											
☐ 3	☐ 6	☐ 9	☐ 12											

GHICHỮ VỀ CÁC TỪ VIẾT TẮT:

N: Hộ nghèo; CN: Hộ cận nghèo (Ghi rõ chuẩn Trung ương (TW) hoặc chuẩn thành phố (TP));
 Các số từ 1-12 viết tắt về các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản, cụ thể:
 1: Việc làm; 2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình; 3: Dinh dưỡng; 4: Bảo hiểm y tế; 5: Trình độ giáo dục của người lớn; 6: Tình trạng di học của trẻ em; 7: Chất lượng nhà ở; 8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người; 9: Nguồn nước sinh hoạt; 10: Nhà tiêu hợp vệ sinh; 11: Sử dụng dịch vụ viễn thông; 12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý:

- Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp 01 lần duy nhất trong giai đoạn 2022-2025 cho hộ gia đình làm căn cứ xác định những người có tên trên giấy được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Chủ tịch UBND phường, xã ký tên, đóng dấu công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo qua rà soát hằng năm vào ô của năm liền sau thời điểm rà soát, làm cơ sở để người dân hưởng chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm tại ô ký tên, đóng dấu.
- Chủ tịch UBND phường, xã ký tên, đóng dấu công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên trên địa bàn (ghi rõ ngày, tháng, năm xác nhận).
- Trường hợp hộ gia đình có thay đổi về thành viên, cần sửa đổi, bổ sung để thụ hưởng chính sách giảm nghèo, địa phương xem xét cấp đổi GCN mới cho hộ gia đình và thu lại GCN cũ để lưu hồ sơ quản lý.
- Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phải được bảo quản cẩn thận để tránh hư hỏng, rách nát hoặc bị mất. Trường hợp bị hư hỏng, rách nát hoặc bị mất thì được xem xét cấp đổi lại dựa trên cơ sở danh sách, dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn do UBND phường, xã quản lý.

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực:..... Quyền số:.....- SCT/BS

Ngày 000183
15-01-2024

TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH



Nguyễn Thị Vân Anh